TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DK** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 10 năm 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: bà Thái Thị Đang
bà Thái Thị Mỹ

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: (không có).

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/8/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: anh Phạm M - sinh năm 1988.
Trú tại: Khu tập thể Trường trung cấp kỹ thuật miền Trung
99 đường X - xã V - tp. Nha Trang - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: chị Trần Thị Thu H - sinh năm 1990.
Trú tại: thôn P1 - xã A - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 và bản tự khai ngày 12/9/2019, nguyên đơn anh Phạm M trình bày: năm 2015, anh và chị Trần Thị Thu H tự nguyện yêu nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Quá trình chung sống, vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm với chị H nên đề nghị được ly hôn với chị H. Con chung: có một con chung Phạm Thế K (sinh ngày 18/6/2016). Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng; Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 26/9/2019, bị đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: chị và anh Phạm M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A năm 2015. Cuộc sống chung vợ chồng có nhiều điểm không hòa hợp. Nay anh M nộp đơn xin ly hôn, chị đồng ý. Con chung: có một con chung Phạm Thế K (sinh ngày 18/6/2016). Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị H, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng; tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn chị H đồng ý ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng; Tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: anh M và chị H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2015 ngày 06/7/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh M, chị H xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã làm gia đình không hạnh phúc. Anh M, chị H đều thống nhất ly hôn.

[2] Con chung: anh M, chị H có một con chung Phạm Thế K (sinh ngày 18/6/2016). Các bên đều thống nhất chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị H yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Anh M xác định thu nhập của anh hiện nay hơn 7.000.000đ/tháng, anh còn phải nuôi cha mẹ già nên chỉ có thể cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy với mức cấp dưỡng 2.500.000đ/tháng là thỏa đáng nên cần chấp nhận.

[3] Tài sản chung và nợ chung: không có.

[4] Về án phí: anh M nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Phạm M được ly hôn với chị Trần Thị Thu H.

Con chung: Giao con chung Phạm Thế K (sinh ngày 18/6/2016) cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Anh M cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ (*Hai triệu, năm*

trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con chung là tháng 11/2019.

Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, anh M, chị H đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Quy định chung: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: anh Phạm M nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0007120 ngày 19/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa. Anh M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh M còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- UBND xã A - huyện DK - Khánh Hòa (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa